

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 74/2023/HNGĐ- ST
Ngày 30-6-2023
V/v tranh chấp chia
tài sản sau ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Khiếu

- Ông Trương Xuân Vũ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Bà Diễm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2021/TLST-HNGĐ *ngày 26-10-2021* về việc chia tài sản chung sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 05-5-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 47 ngày 18-5-2023; quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2023/QĐST- HNGĐ ngày 31-5-2023; thông báo tiếp tục phiên tòa số 06/2023 ngày 16-6-2023 giữa;

Nguyên đơn: Chị Đặng Thanh T, sinh năm 1983- Có mặt

Địa chỉ: Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Triệu Văn N (Triệu Kim T), sinh năm 1981- Có mặt

Địa chỉ: Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Triệu Chiêu G, sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y- Đề nghị xét xử vắng mặt

- Cháu Triệu Kim C, sinh ngày 24-7-2005; Địa chỉ: Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y- Đề nghị xét xử vắng mặt

- Ủy ban nhân dân huyện Lục Yên- Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc S- Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Lục Yên- Đề nghị xét xử vắng mặt

- Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Y- Đại diện: Ông Hoàng Quốc V- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P- Đề nghị xét xử vắng mặt
- Anh Ma Trung K; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Y- Đề nghị xét xử vắng mặt
- Bà Đặng Thị T; địa chỉ: Thôn 1 Và, xã P, huyện L, tỉnh Y- Đề nghị xét xử vắng mặt
- Chị Đặng Thị V; địa chỉ: Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y- Đề nghị xét xử vắng mặt
- Anh Nông Hoàng D; địa chỉ: Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y- Vắng mặt
- Chị Bàn Thị N; địa chỉ: Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y- Đề nghị xét xử vắng mặt
- Chị Thiều Thị M; địa chỉ: Thôn 1 V, xã P, huyện L, tỉnh Y- Đề nghị xét xử vắng mặt
- Chị Đặng Thị N; địa chỉ: Thôn 4 V, xã P, huyện L, tỉnh Y- Đề nghị xét xử vắng mặt
- Lý Văn S; địa chỉ: Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y; - Vắng mặt
- Triệu Kim P; địa chỉ: Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y; - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Đặng Thanh T trình bày: Chị T và anh Triệu Văn N là vợ chồng nhưng đã giải quyết ly hôn bằng bản án số 18/2018/HNGĐ- ST ngày 13-4-2018. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không thỏa thuận được nay chị T yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của chị T và anh T gồm có:

1- 01 ngôi nhà xây cấp 4 và 01 nhà gỗ hai gian ở Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y. Hai ngôi nhà này đã bán 250.000.000 đồng, anh T đã trả nợ chung 200.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng anh T đang quản lý;

2- 01 xe mô tô honda nhãn hiệu WaveS mua năm 2012 chị T đã bán năm 2019 được 7.500.000 đồng hiện nay chị T đang quản lý tiền.

3- Thừa đất số 230 và một phần thừa đất 212, tờ bản đồ số 3 giáp đất ông Triệu Văn H, ông Triệu Văn L, giáp đất ông Triệu Văn C và đường đất. Tài sản trên đất có khoảng 2000 cây quế trồng vào năm 2012 đến năm 2016, khoảng 7 tuổi, ở Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y.

4- Thừa đất 131, tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) cấp ngày 22-10-2009, diện tích 9.640 m² giáp đất ông Lý Hữu T; ông Triệu Kim T; ông Triệu Kim P; ông Lý Văn S và ông Thiều Tiến K. Tài sản trên đất có khoảng 3000 cây quế trồng năm 2016, quế 06 tuổi, ở Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y.

Chị T yêu cầu được chia phần của chị T: Thửa đất 131, tờ bản đồ số 2, GCNQSDĐ cấp ngày 22-10-2009, diện tích 9.640 m² giáp đất ông Lý Hữu T; ông Triệu Kim T; ông Triệu Kim P; ông Lý Văn S và ông Thiệu Tiến K. Tài sản trên đất có khoảng 3000 cây quế trồng năm 2016, quế 06 tuổi, ở Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y và tiền bán 01 xe mô tô honda nhãn hiệu WaveS, trị giá 7.500.000 đồng.

Anh N được chia: Thửa đất số 230 và một phần thửa đất 212, tờ bản đồ số 3 giáp đất ông Triệu Văn H, ông Triệu Văn L, giáp đất ông Triệu Văn C và đường đất. Tài sản trên đất có khoảng 2000 cây quế trồng vào năm 2012 đến năm 2016, khoảng 7 tuổi, ở Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y và tiền bán nhà đã trả nợ xong còn lại 50.000.000 đồng.

Nợ chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 02 tháng 12 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Anh Triệu Văn N (Triệu Kim T) trình bày: Tài sản chung của anh T và chị T gồm có:

I- 01 ngôi nhà xây cấp 4 đã bán 250.000.000 đồng anh T đã trả nợ chung 200.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng anh T đang quản lý;

II- Đất canh tác:

1- 01 mảnh nương không có giấy CNQSDĐ trên đất có trồng quế ở gần nương Lý Văn S tại Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y, trồng được khoảng hơn 1.000 cây quế khoảng từ 3-7 tuổi, trị giá khoảng 30.000.000 đồng;

2- 01 mảnh nương không có giấy CNQSDĐ diện tích 6.000 m² anh T đang sử dụng quản lý trên đất có trồng quế ở gần nương ông Triệu Kim T tại thôn 1 Vàn, xã P, huyện L, tỉnh Y, trồng được 300 cây quế khoảng 4-5 tuổi, trị giá 10.000.000 đồng;

3- 01 mảnh nương không có giấy CNQSDĐ trên đất không trồng cây gì diện tích khoảng 6.000 m² gần nương của ông Lý Hữu Thêm, Bà Triệu Thị Quỳnh tại thôn 03 Túc, xã P, huyện L, tỉnh Y, vào năm 2019 anh T và chị T đã thống nhất giao cho chị T sử dụng và chị T đã bán;

4- 01 mảnh nương không có giấy CNQSDĐ diện tích khoảng 2000 m² gần nương của Lý Kim Đ, Đặng Thị Tiếp tại thôn 03 Túc, xã P, huyện L, tỉnh Y trên đất có trồng cây quế từ khoảng năm 2014 số lượng 2000 cây Quế chị T đã tự ý bán, giá trị lúc bán bao nhiêu anh T không rõ;

5- 01 Diện tích đất ở có giấy CNQSDĐ mang tên ông Triệu Văn H diện tích khoảng bao nhiêu anh T không rõ tại thôn 03 Túc, xã P, huyện L, tỉnh Y, trên đất có 01 ngôi nhà của ông Hương và xung quanh nhà có trồng thêm khoảng 700-800 cây quế được trồng từ năm 2008-2009 chị T đã tự bóc 300 cây không hỏi ý kiến anh T, chị T bán cho ai, giá trị bao nhiêu anh T không biết;

6- 01 mảnh nương có giấy CNQSDĐ trên đất có trồng quế gần đất của ông Triệu Văn H tại Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y anh T chưa tính giá trị, trồng được 3000 cây quế từ năm 2011 chị T đã tự bán 2.300 cây quế vào năm 2018 lúc đó anh T đang chấp hành hình phạt tù nên không biết chị T bán cho ai, giá trị đã bán bao nhiêu không rõ, giờ hiện chỉ còn khoảng 700 cây, trị giá hơn 200.000.000 đồng;

7- 01 mảnh nương không có giấy CNQSDĐ trồng quế ở gần nương Minh Hào tại thôn 01 Vàn, xã P, huyện L, tỉnh Y, diện tích 7.000 m², trồng được khoảng 4.000 cây quế từ năm 2007, chị T đã tự ý bán cho bà Đặng Thị T khoảng 4.000 cây quế trên đất vào khoảng năm 2018 lúc đó anh T đang chấp hành án hình phạt tù nên không biết việc mua bán này, trị giá quế khoảng 70.000.000 đồng;

8- 01 xe máy nhãn hiệu Wave S BKS không nhớ, mua năm 2012 giá trị lúc mua là 19.500.000đ, chị T đã bán nhưng không hỏi ý kiến anh T nên không biết bán được bao nhiêu tiền.

* Anh N (Tài) xác định hiện tại không còn khoản nợ chung nào

Đối với toàn bộ số tài sản anh T kê khai trên anh yêu cầu chia đôi. Đối với những tài sản chị T đã bán anh yêu cầu chị T phải lấy lại rồi mới chia đôi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Đơn đề nghị của cháu Triệu Triều G, cháu Triệu Kim C trình bày: Các cháu là con của anh Triệu Kim T và chị Đặng Thanh T. Năm 2009 bố mẹ các cháu được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vườn rừng cho Hộ bà Đặng Thanh T, ông Triệu Văn N bản thân các cháu là thành viên trong hộ gia đình được hưởng quyền lợi trong đó. Nhưng vì thời gian bố mẹ cháu được cấp giấy các cháu còn nhỏ chưa có công sức đóng góp vào khối tài sản của bố mẹ cháu, nên các cháu không đề nghị gì, cũng không yêu cầu được chia tài sản. Mẹ cháu và bố cháu đã ly hôn nay yêu cầu chia tài sản chung tại Tòa án các cháu không có ý kiến gì.

- Văn bản số 236 ngày 06-4-2023 của Ủy ban nhân dân xã P: Qua xem xét hồ sơ, tài liệu có liên quan Ủy ban nhân dân xã P có ý kiến như sau:

Đương sự trong vụ án yêu cầu được chia thừa đất số 230 và một phần thừa đất số 212 tờ bản đồ số 3 bản đồ 272 tại Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y, chưa được cấp GCNQSDĐ, diện tích 6573,6 m²

1. Thừa đất số 230 và một phần thừa đất số 212 tờ bản đồ số 3, bản đồ 672 tại Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y không nằm trong diện tích đất rừng tự nhiên sản xuất, rừng phòng hộ do UBND xã quản lý, không nằm trong quy hoạch đất ở, đất quy hoạch an ninh quốc phòng.

2. Thừa đất số 230 và một phần thừa đất số 212 tờ bản đồ số 3, bản đồ 672 tại Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y. Hiện nay ông Triệu Văn N (Triệu Kim T) và bà Đặng Thanh T đang canh tác sử dụng trồng cây, không có tranh chấp với ai.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 12 tháng 4 năm 2022 anh Ma Trung K trình bày: Anh Kiên kinh doanh mua bán các loại xe mô tô chạy xăng, xe đạp điện cửa

hàng ở Thôn Sài Lớn, xã Trung Tâm, huyện L, tỉnh Y (gần trụ sở UBND xã Trung Tâm). Khoảng tháng 5-2019 chị Đặng Thanh T ở Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y có bán cho anh K 01 xe mô tô WAVE nhãn hiệu honda với giá 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), anh K đã trả đủ tiền, chị T đã giao xe và giấy tờ xe. Sau một thời gian ngắn anh K đã bán xe này.

- Biên bản ghi lời khai ngày 08-02-2023 chị Đặng Thị N trình bày: Vào các ngày từ 13 đến 16 tháng 4 năm 2019 chị cùng 03 người khác đi bóc quế thuê cho chị Đặng Thanh T, tiền công trả cho 04 người trong 04 ngày là 2.880.000 đồng. Tiền công chị N đã nhận đủ của chị T sau đó chị N đã trả cho 03 người chị N gọi đi bóc cùng. Chị T thuê chị N bóc quế ở nương giáp đất của ông Triệu Văn C, Triệu Văn H ở Thôn 3 T, xã P- Lục Yên- Yên Bái.

- Biên bản ghi lời khai ngày 08-02-2023 của bà Đặng Thị T trình bày: Chị Đặng Thanh T và anh Triệu Kim T (Nhật) có đến nhà bà T hỏi vay 50.000.000 đồng để làm nhà, thời hạn trả là ngày 22-12-2014 nhưng đến hạn chị T và anh T không có tiền trả. Đến ngày 27-8-2018 chị T đã bán đôi quế ở thôn 01 V, xã P (khu Khe Riêng) cho bà T với giá 70.000.000 đồng (chỉ bán quế không bán đất), trong đó tiền vay 50.000.000 đồng, tiền lãi 20.000.000 đồng.

- Biên bản ghi lời khai ngày 08-02-2023 chị Thiệu Thị M trình bày: Chị M và chị T là gi cháu với nhau, ngày 13-5-2014 chị T có đến nhà chị M nhờ chị M vay tiền ngân hàng chính sách xã hội huyện L 30.000.000 đồng để làm nhà, thời hạn vay là 5 năm. Việc trả lãi và gốc sau này chị T liên hệ trực tiếp với tổ trưởng vay vốn của chi hội phụ nữ thôn 01 Vàn, xã P là bà Trần Thị L.

- Biên bản ghi lời khai ngày 08-02-2023 bà Trần Thị L trình bày: Bà L là tổ trưởng tổ vay vốn của chi hội phụ nữ thôn 01 Vàn, xã P. Ngày 13-5-2014 chị Thiệu Thị M có đứng tên vay tiền ngân hàng chính sách xã hội huyện L 30.000.000 đồng để giúp chị T. Sau khi được vay vốn hàng tháng chị T trả lãi trực tiếp cho bà L để trả ngân hàng và đến ngày hết hạn vay chị T đã trả đủ 30.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi cho bà L để bà L chuyển trả cho ngân hàng chính sách xã hội huyện L.

- Biên bản ghi lời khai ngày 08-02-2023 chị Lý Thị M trình bày: Ngày 15-8-2014 chị M có cho chị T vay 15.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 10-5-2019. Chị T đã trả đủ số tiền vay 15.000.000 đồng cho chị M. Số tiền này chị M vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện L, chị T trả đủ tiền lãi hàng tháng để chị M trả Ngân hàng.

- Biên bản ghi lời khai ngày 08-02-2023 anh Lý Kim Đ trình bày: Anh Đ là chồng của chị Bàn Thị N. Ngày 10-5-2019 vợ chồng anh Đ có mua của chị Đặng Thanh T 01 mảnh nương tại Thôn 3 T, xã P- Lục Yên- Yên Bái gần nương của Lý Hữu Tvà Triệu Thị Q với giá 25.000.000 đồng. Chị T đã chỉ rõ ranh giới thửa đất và giao đất cho anh Đ.

- Bản tự khai ngày 10-3-2023 chị Đặng Thị V khai: Vào ngày 10 tháng 3 năm 2016 tại Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y, chị Đặng Thanh T cùng ở Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y có bán cho chị V một mảnh nương quế trồng được 03 năm tuổi với giá 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Nương quế chị V mua của chị T ở giáp nương ông Lý Kim Đ và nương bà Đặng Thị T cùng ở Thôn 3 T, xã P,

huyện L, tỉnh Y. Chị V đã giao đủ tiền cho chị T và chị T đã giao nương quế cho chị V.

Ngày 02-4-2022 Tòa án nhân dân huyện L đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ gồm các tài sản sau:

1- Thừa đất số 230 và một phần thừa đất 212, tờ bản đồ số 3 Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y do anh T và chị T xác định có vị trí: Phía bắc giáp đất ông Triệu Văn H; phía đông giáp đất ông Triệu Văn H; phía Nam giáp đất ông Triệu Văn H; phía Tây giáp đất ông Triệu Văn C và đường đất, diện tích 6573,6 m². Tài sản trên đất có 1.643 cây quế trồng vào năm 2012 đến năm 2016, khoảng 7 tuổi, đường kính bình quân mỗi cây 10 cm, chiều cao trung bình mỗi cây quế là 06 m;

2- Thừa đất 131, tờ bản đồ số 2 Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y do anh T và chị T xác định có vị trí: Phía Bắc giáp đất ông Lý Hữu T; phía Đông giáp đất Triệu Kim T; phía Nam giáp đất Triệu Kim P; phía Đông Nam giáp đất Lý Văn S; phía Tây giáp đất Triệu Kim P và Thiệu Tiến K, diện tích 8483,9 m². Tài sản trên đất có 2.544 cây quế trồng năm 2016, quế 06 tuổi, đường kính trung bình mỗi cây 07 cm, chiều cao trung bình mỗi cây 5,5 m.

Tại biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện L ngày 30-3-2023 kết luận:

- Thừa đất rừng sản xuất số thừa 131 tờ bản đồ số 2, Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y, diện tích đất 8483,9 m² x 13.000 đồng/m² = 110.290.700 đồng; trên đất trồng quế 06 tuổi, đường kính trung bình mỗi cây 07 cm, chiều cao trung bình mỗi cây 5,5 m, có 2544 cây x 112.500 đồng/cây = 286.200.000 đồng;

- Thừa đất rừng sản xuất số thừa 230 và một phần thừa đất 212, tờ bản đồ số 3 Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y có diện tích 6.573,6 m² x 13.000 đồng/m² = 85.456.800 đồng; trên đất trồng quế 07 tuổi, đường kính trung bình mỗi cây 10 cm, chiều cao trung bình mỗi cây 06 m, có 1.643 cây x 160.000 đồng/cây = 262.880.000 đồng; tổng trị giá đất và quế 348.336.800 đồng

- Giá trị đất: 110.290.700 đồng + 85.456.800 đồng = 195.747.500 đồng;

- Giá trị quế: 286.200.000 đồng + 262.880.000 đồng – 549.080.000 đồng.

Biên bản xác minh ngày 14-6-2023 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Y: Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện L thì đòi quế của chị T và anh T nằm trên các thửa đất cụ thể như sau:

- Đồi quế thứ nhất diện tích 8.483,9 m² có 2544 cây quế đường kính trung bình 07 cm, tờ bản đồ số 2, Thôn 3 T, xã P nằm trên các thửa đất: Thửa 131 diện tích 4.738,9 m² đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Triệu Văn N (Triệu Kim T), Đặng Thanh T; các diện tích đất còn lại do UBND xã P quản lý trong đó: Một phần đồi quế nằm trên thửa 108 diện tích 1.430,4 m², một phần đồi quế nằm trên thửa đất số 252 diện tích là 2.145,7 m², một phần đồi quế nằm trên thửa đất 154 có diện tích 165,2 m²..

- Đồi quế thứ hai diện tích 6.573,6 m² tờ bản đồ số 3, Thôn 3 T, xã P có 1643 cây quế, đường kính trung bình 10 cm nằm trên các thửa đất sau: Trên thửa

đất số 230 diện tích đồi quế là 5.041,9 m², trên thửa đất số 212 diện tích đồi quế 751,1 m², trên thửa đất số 231 diện tích đồi quế 162,7 m², trên thửa đất số 247 diện tích đồi quế là 617,9 m². Toàn bộ diện tích đồi quế nằm trên các thửa nêu trên đất do UBND xã P quản lý.

Tài sản là toàn bộ quế trồng trên đất được sử dụng hợp pháp không tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký cơ bản thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (có đơn xin xét xử vắng mặt) đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 BLTTDS. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh S, anh P, anh D được triệu tập hợp lệ nhưng không đến để giải quyết) chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 33, 59 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 157, Điều 165, 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về chia tài sản chung sau khi ly hôn:

- Chị T được quyền quản lý, sử dụng tài sản: 2544 cây quế, trị giá 286.200.000 đồng, (được trồng trên diện tích đất 8483,9 m² thuộc thửa số 131 được cấp GCNQSDĐ ngày 22-10-2009 mang tên Triệu Văn N, Đặng Thanh T và các thửa đất do UBND xã P quản lý (108, 252, 154) tờ bản đồ số 2, Thôn 3 T, xã P, huyện L và tiền bán 01 xe mô tô honda nhãn hiệu WaveS 7.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 293.700.000 đồng

- Anh N (Tài) được quyền quản lý, sử dụng tài sản 1.643 cây quế trị giá 262.880.000 đồng, (được trồng trên diện tích đất 6.573,6 m² các thửa đất số 230, 212, 231, 247 do UBND xã P quản lý), tờ bản đồ số 3 Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y và số tiền bán nhà đã trả nợ 200.000.000 đồng còn lại 50.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 312.880.000 đồng

- Đình chỉ yêu cầu chia tài sản 02 thửa đất 131; một phần thửa 230 và 212 của nguyên đơn.

- Về án phí: Chị T phải chịu 14.685.000 đồng án phí chia tài sản; anh T phải chịu 15.644.000 đồng án phí chia tài sản

- Về chi thẩm định, định giá: Tổng 14.902.000 đồng gồm chi phí thẩm định 11.502.000 đồng; chi phí định giá 3.400.000 đồng. Tại Phiên tòa chị T nhận chịu số tiền 14.902.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, xác nhận chị T đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về chia tài sản sau ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nông Hoàng D, anh Lý Văn S, anh Triệu Kim P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của anh D, anh S, anh P Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đại diện theo ủy quyền của UBND huyện L ông Nguyễn Ngọc Sơn, UBND xã P đại diện ông Hoàng Quốc V, cháu Triệu Triều G, Triệu Kim C, anh Ma Trung K, bà Đặng Thị T, chị Đặng Thị V, chị Bàn Thị N, chị Thiệu Thị M, chị Đặng Thị N đề nghị xin giải quyết vắng mặt Tòa án đã tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Quá trình giải quyết vụ án Chị T xác định tài sản chung của chị T và anh N gồm có những tài sản là hai thửa đất và quế trồng trên hai thửa đất gồm: Thửa thứ nhất diện tích 6.573,6 m² tờ bản đồ số 3, Thôn 3 T, xã P có 1.643 cây quế; thửa thứ hai diện tích 8483,9 m², tờ bản đồ số 2, Thôn 3 T, xã P có 2544 cây quế; tiền bán nhà còn 50.000.000 đồng và tiền bán 01 chiếc xe mô tô honda nhãn hiệu WaveS 7.500.000 đồng.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023 chị T có đơn rút yêu cầu chia quyền sử dụng hai thửa đất: Thửa thứ nhất diện tích 6.573,6 m², tờ bản đồ số 3, Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y; thửa thứ hai diện tích 8.483,9 m², tờ bản đồ số 2, Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y. Hai thửa đất này chị T để lại cho anh T quản lý sau này các con lớn sẽ chuyển cho các con. Chị T yêu cầu chia quế trồng trên hai thửa đất, tiền bán xe mô tô 7.500.000 đồng và tiền bán nhà đã trả nợ còn lại 50.000.000 đồng . Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu này.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: *“Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội”*

Tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: *“Trường hợp có đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu của đương sự đã rút”*

Do chị T rút một phần yêu cầu chia quyền sử dụng đất là hai thửa đất trồng quế diện tích 6.573,6 m², tờ bản đồ số 3, Thôn 3 T, xã P và thửa đất thứ hai diện tích 8483,9 m², tờ bản đồ số 2, Thôn 3 T, xã P là hoàn toàn tự nguyện được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Điều 217, khoản 2 Điều 244 BLTTDS đình chỉ giải quyết yêu cầu chia quyền sử dụng hai thửa đất này.

Tài sản chung của chị T và anh T trong thời kỳ hôn nhân gồm có:

1- Tiền bán 01 ngôi nhà xây cấp 4 và 01 nhà gỗ hai gian ở Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y 250.000.000 đồng, anh T đã trả nợ chung 200.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng anh T đang quản lý.

2- Tiền bán 01 xe mô tô honda nhãn hiệu WaveS 7.500.000 đồng chị T đang quản lý số tiền này.

3- Thừa đất quế thứ nhất trên diện tích 6.573,6 m², tờ bản đồ số 3, Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y, có 1.643 cây quế đường kính trung bình 10 cm, chiều cao trung bình 06 m trị giá quế 262.880.000 đồng, nằm trên các thửa đất như sau: Trên thửa đất số 230 diện tích quế 5.041,9 m²; trên thửa đất số 212 diện tích quế 751,1 m²; trên thửa số 231 diện tích quế 162,7 m²; trên thửa số 247 diện tích quế 617,9 m². Toàn bộ diện tích quế trên các thửa đất nêu trên, đất do UBND xã P quản lý.

4- Thừa đất quế thứ hai diện tích quế là 8.483,9 m² tờ bản đồ số 2, Thôn 3 T, xã P, có 2544 cây quế đường kính trung bình 07 cm, chiều cao trung bình 5,5 m, trị giá quế 286.200.000 đồng: Một phần quế nằm trên thửa 131 diện tích 4.738,9 m² được cấp GCNQSDĐ mang tên Triệu Văn N (Triệu Kim T), Đặng Thanh T; các diện tích đất còn lại do UBND xã P quản lý trong đó: Một phần quế nằm trên thửa 108 diện tích 1.430,4 m²; một phần quế nằm trên thửa đất số 252 diện tích là 2.145,7 m²; một phần quế nằm trên thửa đất 154 diện tích 165,2 m².

Tổng trị giá tài sản quế trồng trên 02 thửa đất, tiền bán nhà và tiền bán 01 xe mô tô là 606.580.000 đồng

Nay chị T yêu cầu được sử dụng tài sản gồm: 2.544 cây quế trồng năm 2016, quế 06 tuổi, đường kính trung bình mỗi cây 07 cm, chiều cao trung bình mỗi cây 5,5 m trị giá 286.200.000 đồng trên thửa đất thứ hai, diện tích đất 8483,9 m², tờ bản đồ số 2, Thôn 3 T, xã P và tiền bán 01 xe mô tô honda nhãn hiệu WaveS 7.500.000 đồng;

Anh T được sử dụng gồm: 1.643 cây quế trồng vào năm 2012 đến năm 2016, khoảng 7 tuổi, đường kính bình quân mỗi cây 10 cm, chiều cao trung bình mỗi cây quế là 06 m, trị giá 262.880.000 đồng trên thửa đất thứ nhất, diện tích đất 6573,6 m², tờ bản đồ số 3, Thôn 3 T, xã P và tiền bán nhà đã trả nợ còn 50.000.000 đồng

Theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

“Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây:

a) Hoàn cảnh của gia đình và vợ chồng;

b) Công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập;.....”

Xét thấy: Chị T và anh T có công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì phát triển khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân như nhau. Chị T yêu cầu chia tài sản chung có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Triệu Văn N thừa nhận tài sản chung của chị T và anh T có 02 thửa đất trồng quế, tiền bán nhà đã trả nợ còn lại 50.000.000 đồng và tiền bán 01 xe mô tô honda nhãn hiệu WaveS 7.500.000 đồng như chị T trình bày, nhưng anh T không nhất chia tài sản cho chị T với lý do chị T đã bán nhiều tài sản, anh T yêu cầu chị T phải lấy lại những tài sản chị T đã bán rồi mới chia.

Để có căn cứ giải quyết vụ án ngày 02 tháng 12 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện L đã ra thông báo số 310 yêu cầu anh T nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản khác mà anh T xác định là tài sản chung, nhưng anh T không nộp tiền tạm ứng án phí, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về tài sản anh T yêu cầu. Do đó Tòa án nhân dân huyện L không có căn cứ xem xét yêu cầu của anh N (Tài) trong vụ án này. Đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Tại phiên tòa anh N không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới, anh N đồng ý việc chị T rút yêu cầu chia hai thửa đất số 131 và thửa số 230 và một phần thửa 212. Cũng tại phiên tòa anh N yêu cầu chị T phải mua lại khoảng 3000 cây quế trồng trên thửa đất 250 chị T và anh N được cấp GCNQSDĐ và khoảng 300 cây quế trên thửa đất của ông Triệu Văn H bố đẻ anh N rồi mới chia tài sản. Yêu cầu này không có căn nên không được chấp nhận.

Nợ chung: Các Đương sự xác định không có Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chi phí tố tụng: Đã chi phí hết 14.902.000 đồng, chị T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 11.502.000 đồng và chi phí định giá tài sản 3.400.000 đồng. Tại phiên tòa chị T nhận chịu toàn bộ chi phí này là hoàn toàn tự nguyện được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong vụ án này những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Ma Trung K, bà Đặng Thị T, chị Đặng Thị V, chị Bàn Thị N, chị Thiều Thị M, chị Đặng Thị N có mua bán tài sản, cho chị T vay tiền chị T đã dùng tiền để trả nợ làm nhà, đã thanh toán xong với nhau không còn nợ nần gì và những người này đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án anh Triệu Kim P, anh Lý Văn S, anh Nông Hoàng D được triệu tập nhưng không đến Tòa án để giải quyết. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án UBND huyện L, UBND xã P, anh Triệu Kim P, anh Lý Văn S, anh Nông Hoàng D không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

[5] Về án phí:

- Chị T phải chịu án phí chia tài sản chung: 293.700.000 đồng x 5% = 14.685.000 đồng.

- Anh T phải chịu án phí chia tài sản chung và nợ chung: 312.880.000 đồng x 5% = 15.644.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 33, 59 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213 Bộ luật dân sự; các Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 217, điểm b, c khoản 2 Điều 227 khoản 2 Điều 244, 271, 273, Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về tài sản chung chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử:

- Chị Đặng Thanh T được quản lý, sử dụng 2.544 cây quế trồng năm 2016, quế 06 tuổi, đường kính trung bình mỗi cây 07 cm, chiều cao trung bình mỗi cây 5,5 m trị giá 286.200.000 đồng (hai trăm tám mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng) trên diện tích đất 8483,9 m² trong đó: Một phần quế trồng thừa đất số 131 diện tích 4.738,9 m² do Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22-10-2009 mang tên Triệu Văn N, Đặng Thanh T; các diện tích đất còn lại do Ủy ban nhân dân xã P quản lý bao gồm: Một phần quế trồng thừa 108 diện tích 1.430,4 m², một phần quế trồng thừa 252 diện tích diện tích 2.145,7 m², một phần quế trồng thừa 154 diện tích 165,2 m², toàn bộ diện tích đất tại tờ bản đồ số 2, Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y, có vị trí: Phía Bắc giáp đất ông Lý Hữu T; phía Đông giáp đất Triệu Kim T; phía Nam giáp đất Triệu Kim P; phía Đông Nam giáp đất Lý Văn S; phía Tây giáp đất Triệu Kim P và Thiều Tiến K và tiền bán 01 xe mô tô hiệu honda nhãn hiệu nhãn hiệu WaveS 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng trị giá tài sản 293.700.000 đồng (hai trăm chín mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng). Có sơ đồ kèm theo.

- Anh Triệu Văn N (Tài) được quản lý, sử dụng 1.643 cây quế trồng vào năm 2012 đến năm 2016, khoảng 7 tuổi, đường kính bình quân mỗi cây 10 cm, chiều cao trung bình mỗi cây quế là 06 m, trị giá 262.880.000 đồng (hai trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm tám mươi nghìn đồng) trên diện tích đất 6573,8 m², trong đó: Một phần quế trồng thừa số 230 diện tích 5.041,9 m²; một phần quế trồng thừa 212 diện tích 751,1 m²; một phần quế trồng thừa 231 diện tích 162,7 m²; một phần quế trồng thừa 247 diện tích 617,9 m². Toàn bộ diện tích đất trên do Ủy ban nhân dân xã P quản lý, tờ bản đồ số 3 Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y có vị trí: Phía bắc giáp đất ông Triệu Văn H; phía đông giáp đất ông Triệu Văn H; phía Nam giáp đất ông Triệu Văn H; phía Tây giáp đất ông Triệu Văn C và đường đất và tiền bán nhà 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Tổng trị giá tài sản 312.880.000 đồng (ba trăm mười hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Có sơ đồ kèm theo.

2- Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia quyền sử dụng đất của nguyên đơn chị Đặng Thanh T về hai thửa đất: Thửa thứ nhất diện tích 6.573,6 m², tờ bản đồ số 3, Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y; thửa thứ hai diện tích 8.483,9 m² tờ bản đồ số 2, Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Y.

3- *Về chi phí tố tụng*: Chị Đặng Thanh T nhận chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản 14.902.000 đồng (mười bốn triệu chín trăm linh hai nghìn đồng). Xác nhận chị T đã nộp đủ 14.902.000 đồng (mười bốn triệu chín trăm linh hai nghìn đồng).

4- *Về án phí*:

- Chị Đặng Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản 14.685.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng). nhưng được trừ đi số tiền chị T đã nộp 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0002062 ngày 26-10-2021. Chị T còn phải nộp 8.685.000 đồng (tám triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng)

- Anh Triệu Kim T (Triệu Văn N) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản 15.644.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

5- *Quyền kháng cáo*:

- Chị Đặng Thanh T, anh Triệu Kim T (Triệu Văn N) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Ủy ban nhân dân huyện L, Ủy ban nhân dân xã P, cháu Triệu Triều G, Triệu Kim C, anh Ma Trung K, bà Đặng Thị T, chị Bàn Thị N, chị Thiều Thị M, chị Đặng Thị N, anh Nông Hoàng D, anh Lý Văn S, anh Triệu Kim P có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Y;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- Các đương sự (15);
- Lưu HS. TA

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Anh